

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 55/2025/DS-ST

Ngày: 08 - 8 - 2025.

Về: “*Tranh chấp, hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm;

2. Ông Võ Lâm Sơn;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trọng Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2025 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXX- DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Thành T, sinh năm: 1956; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số C, ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C), tỉnh An Giang (Có mặt);

Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm: 1977 – bà Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1977; cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C (nay là N), tỉnh An Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Võ Thị Ngọc Đ1 là ông Châu Tuấn K, sinh năm: 2000; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã K, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2025 của Văn phòng C (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 14/4/2025 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Lê Thành T trình bày:

Do chỗ quen biết, nên ngày 13/9a1/2024 ông cho vợ chồng ông Bùi Văn H – bà Võ Thị Ngọc Đ1 vay 200.000.000 đồng, để phục vụ công việc làm ăn trong gia đình. Khi vay ông H – bà Đ1 có ký biên nhận với thỏa thuận lãi suất 3,5%

tháng và hạn từ 03 đến 06 tháng hoàn trả vốn, còn lãi thì trả hàng tháng. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền thì ông H – bà Đ1 không trả lãi cũng không trả vốn, nhiều lần đòi thì ông bà hạn mà không thực hiện. Nay ông yêu cầu ông H – bà Đ1 phải thanh toán số tiền trên cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ khi vay đến khi xét xử.

Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ cho ông Bùi Văn H – bà Võ Thị Ngọc Đ1 để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H – bà Đ1 vắng mặt không lý do.

Tại tờ tự khai ngày 15/7/2025, ông Bùi Văn H – bà Võ Thị Ngọc Đ1 cùng trình bày:

Ông bà có quan hệ là vợ chồng, ông bà thừa nhận ngày 13/9a1/2025 có vay của ông T 200.000.000 đồng để sử dụng vào công việc làm ăn của gia đình, với lãi suất vay 3,5% tháng như ông T trình bày, nhưng sau khi vay ông bà có trả lãi cho ông T được 10 tháng thì do làm ăn thua lỗ nên ngưng. Nay xin giảm dứt tiền lãi còn vốn thì xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, ông T xác định số tiền cho vay là vào ngày 02/4/2024, chứ không phải 13/9a1/2024 và ông H – bà Đ1 có trả lãi được 09 tháng, chứ không phải 10 tháng, theo mức 3,5% tháng. Nay ông yêu cầu trả phần nợ còn lại cùng với lãi suất theo quy định, nhưng phải trả ngay.

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Châu Tuấn K – đại diện theo ủy quyền cho bà Đ2 trình bày: Thừa nhận bà Đ1 có cùng ông H vay của ông T 200.000.000 đồng và xác định có trả lãi 09 tháng với mỗi tháng 7.000.000 đồng bằng 63.000.000 đồng thì do làm ăn bị lỗ nên ngưng. Nay yêu cầu điều chỉnh lãi, phần còn lại xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ tờ mượn nợ ngày 02/4/2024 mà hai bên thống nhất tại phiên tòa và tờ tự khai ngày 15/7/2025 thì xác định ông H – bà Đ1 có vay của ông T 200.000.000 đồng, nên ông T kiện là có căn cứ. Ông T nhận tiền lãi của ông H – bà Đ1 09 tháng theo mức lãi 3,5% tháng là cao, nên đề nghị HĐXX điều chỉnh lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Ông Bùi Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông H theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho ông H – bà Đ1 vay nhưng ông H - bà Đ1 không trả, căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu - Thẩm quyền: Theo tờ nợ mượn ngày 02/4/2025 thì ông H – bà Đ1 hẹn từ 03 tháng đến 06 tháng trả, nhưng ông bà không thực hiện, nên ngày 14/4/2025 ông T khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; ông H – bà Đ1 có nơi cư trú tại xã C, nên Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận vay trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng vay hợp pháp.

Tại phiên tòa, hai bên thống nhất nhau tiền vốn và mức lãi suất. Tuy nhiên, thống nhất giữa bên có khoản phù hợp và khoản chưa phù hợp pháp luật, theo đó từng nội dung HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Về vốn vay: Ông H – bà Đ1 thừa nhận có nhận vay của ông T 200.000.000 đồng vốn và chưa trả, nên ông H – bà Đ1 có nghĩa vụ phải trả cho ông T.

[4.2]. Về lãi suất: Ông T nhận của ông H – bà Đ1 theo mức 3,5%/tháng x 12 tháng = 42%/năm là cao, trong khi theo quy định của pháp luật lãi suất hai bên thỏa thuận, nhưng không quá 20% năm, nên cần phải điều chỉnh cụ thể như sau:

Thời gian cho vay tháng 4/2024 đến nay tháng 8/2025 bằng 16 tháng, lãi suất 20% tháng. $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times (16/12)/\text{năm} = 53.333.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn + lãi đến nay ông H – bà Đ1 phải trả cho ông T là $200.000.000 \text{ đồng} + 53.333.000 \text{ đồng} = 253.333.000 \text{ đồng}$.

Khấu trừ phần tiền lãi ông T nhận của ông H – bà Đ1: $253.333.000 \text{ đồng} - 63.000.000 \text{ đồng}$, còn lại $190.333.000 \text{ đồng}$ H – bà Đ1 phải trả tiếp cho ông T.

Ông H – bà Đ1 xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng không được ông T đồng ý, nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận mà giả thích cho ông H – bà Đ1 biết thời gian thanh toán như thế nào sẽ được xem xét tại đoạn Thi hành án.

[5]. Về nghĩa vụ: Ông H – bà Đ1 là vợ chồng, cả hai vay tiền của ông T sử dụng chung gia đình, nên phải có nghĩa vụ liên đới trả cho T theo Điều 288 Bộ luật Dân sự.

[6]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của ông T được chấp nhận, nên ông T không chịu án phí dân sự sơ thẩm; riêng ông H – bà Đ1 phải cùng chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ của ông bà trả cho ông T $190.333.000 \text{ đồng}$, theo quy định tại các khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 288 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của ông Lê Thành T.

Buộc ông Bùi Văn H – bà Võ Thị Ngọc Đ1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Thành T 190.333.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Bùi Văn H – bà Võ Thị Ngọc Đ1 phải cùng chịu 9.516.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Huệ